

# Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện trong môn Khoa học tự nhiên cấp Trung học cơ sở

**Dương Quang Ngọc**

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam  
Email: duongquangngoc@gmail.com

**TÓM TẮT:** Môn Khoa học tự nhiên cấp Trung học cơ sở có những nội dung về cơ thể con người và sự phát triển cơ thể con người. Do vậy, môn học nhiều cơ hội để giáo dục giới tính và tình dục toàn diện cho học sinh. Ngoài đặc điểm môn học đã có nhiều thuận lợi để giáo dục giới tính và tình dục toàn diện thì việc vận dụng các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học trong thiết kế bài học là một khâu then chốt góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính tình dục toàn diện cho học sinh.

**TỪ KHÓA:** Giáo dục giới tính; giáo dục tình dục toàn diện; khoa học tự nhiên.

→ Nhận bài 09/7/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 22/9/2020 → Duyệt đăng 25/12/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục (GD) phổ thông: “Mục tiêu GD phổ thông là tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân...”. Chỉ thị về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018-2019 nhấn mạnh: “Tăng cường GD tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử trong nhà trường; xây dựng môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện”.

Đề có được một cuộc sống an toàn, hiệu quả trong một thế giới mà HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STI), có thai ngoài dự định, bạo lực trên cơ sở giới và bất bình đẳng giới vẫn gây ra những nguy hại nghiêm trọng đối với sức khỏe của các em thì GD giới tính (GDGT) và tình dục toàn diện (TDTD) đóng vai trò cốt lõi trong quá trình chuẩn bị hành trang cho học sinh (HS). Ngay cả khi gần đến tuổi trưởng thành, nhiều em phải đối mặt với các thông điệp tiêu cực, mâu thuẫn và không rõ ràng về giới tính và tình dục. Những thông điệp này bị làm trầm trọng thêm bởi sự im lặng và xấu hổ từ phía người lớn, trong đó có cả cha mẹ và giáo viên (GV).

Môn Khoa học tự nhiên có nhiều lợi thế trong GDGT TDTD bởi đặc thù môn học có nội dung về cơ thể con người và sự phát triển cơ thể con người. Do vậy, lồng ghép GDGT TDTD trong môn Khoa học tự nhiên giúp HS hình thành các kiến thức, thái độ và kỹ năng về giới tính và tình dục một cách đúng đắn và phù hợp với lứa tuổi, góp phần gây dựng các mối quan hệ an toàn, lành mạnh và tích cực. GDGT TDTD quan trọng ở việc giúp HS suy ngẫm về các chuẩn mực xã hội, giá trị văn hoá, quan niệm truyền thống để hiểu rõ và kiểm soát tốt hơn các mối quan hệ với bạn bè đồng lứa, cha mẹ, GV, những người lớn tuổi khác và rộng ra là cộng đồng nơi các em sinh sống.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Mục tiêu giáo dục giới tính tình dục toàn diện trong môn Khoa học tự nhiên

#### 2.1.1. Về kiến thức

- Kể tên được các cơ quan và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ;
- Nêu được hiện tượng kinh nguyệt, rụng trứng; Giải thích chu kỳ kinh nguyệt, những thay đổi trong hormone ảnh hưởng tới chu kỳ kinh nguyệt, trong đó có giai đoạn mà việc thụ thai dễ xảy ra nhất;
- Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai; Dấu hiệu của việc mang thai và giai đoạn phát triển thai nhi; Nhận thức được vai trò quan trọng của hormone đối với giai đoạn dậy thì và mang thai;
- Nhận thức được các rủi ro sức khỏe liên quan đến việc mang thai quá sớm và quá gần nhau; Nêu được tác hại của việc nạo phá thai; Phân biệt được một số biện pháp tránh thai, trong đó có biện pháp dựa vào chu kỳ kinh nguyệt; Nhận diện những hiểu lầm về các biện pháp tránh thai hiện đại, sử dụng bao cao su và các cách khác để phòng chống việc mang thai ngoài ý muốn; Khẳng định rằng triệt sản là biện pháp tránh thai hoàn toàn;
- Giải thích rằng, có những cách giảm thiểu rủi ro mắc hoặc lây truyền HIV và các bệnh STD;
- Nêu được vai trò của di truyền học với hôn nhân và trình bày được quan điểm về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người; Nêu được ý nghĩa của việc cấm kết hôn gần huyết thống; Giải thích tại sao quyết định về hành vi kết hôn gần ảnh hưởng đến sức khỏe con cái;
- Giải thích được việc sinh con trai hay con gái ở người bằng cơ chế di truyền; Phản biện được về quan niệm cho rằng người mẹ quyết định việc sinh con trai hay con gái là đúng hay sai.
- Mô tả được sự khác nhau của vẻ ngoài giữa trẻ em gái và trẻ em trai; Phân tích những hành động phổ biến mà con người thực hiện để thay đổi vẻ ngoài của mình

(Ví dụ: Uống thuốc ăn kiêng, thuốc tăng cơ, dùng kem tẩy trắng) và đánh giá mức độ nguy hiểm của các hành động này.

### 2.1.2. Về kĩ năng

- Biết cách tìm kiếm và lựa chọn nguồn giúp đỡ và hiệu quả, an toàn liên quan đến hiểu biết về giải phẫu và chức năng sinh lí của hệ sinh dục;
- Áp dụng kĩ năng giao tiếp, đàm phán và từ chối để chống lại các áp lực tình dục không mong muốn hoặc để yêu cầu quan hệ tình dục an toàn, từ chối để chống lại các áp lực tình dục không mong muốn nhằm tránh mắc STI;
- Có khả năng đánh giá và kiểm soát được các cảm xúc ảnh hưởng tới quyết định liên quan đến thay đổi bản thân;
- Điều tra được sự hiểu biết của HS trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên; Tìm hiểu được tuổi kết hôn ở địa phương.

### 2.1.3. Về thái độ

- Thể hiện cảm nhận của các em về kinh nguyệt, mộng tinh;
- Ý thức được việc quyết định sử dụng bao cao su hoặc các biện pháp tránh thai khác là trách nhiệm của cả nam giới và phụ nữ;
- Ý thức được việc sử dụng thuốc để thay đổi hình ảnh có thể gây hại cho cơ thể;
- Ý thức được tầm quan trọng của việc kiểm tra để đánh giá khả năng nhiễm HIV và tiếp cận các biện pháp chữa trị khi cần thiết;
- Không đồng tình với những quyết định về hành vi tình dục gây ra hậu quả tiêu cực, những quyết định về hành vi kết hôn gắn với tư tưởng trọng nam khinh nữ.

## 2.2. Nội dung giáo dục giới tính tình dục toàn diện trong môn Khoa học tự nhiên

*Lĩnh vực: Kĩ năng đảm bảo sức khoẻ và hạnh phúc*

Các kĩ năng bao gồm: Giao tiếp, từ chối và đàm phán; Tìm kiếm sự hỗ trợ; Ra quyết định; Giao tiếp, từ chối và đàm phán; Tìm kiếm sự hỗ trợ; Kiến thức về phương tiện truyền thông và tính dục.

*Lĩnh vực: Cơ thể con người và sự phát triển của cơ thể con người*

Các nội dung bao gồm: Đặc điểm giải phẫu và chức năng sinh lí của hệ sinh dục (Hệ sinh dục, Trứng - tinh trùng, Hormone sinh dục); Sinh sản (Tình dục, Chu kì kinh nguyệt - xuất tinh, Thụ tinh và thụ thai, Di truyền và kết hôn cận huyết, Vô sinh, Sức khỏe sinh sản); Tuổi dậy thì (Sinh lí tuổi dậy thì, Vệ sinh cơ quan sinh dục); Hình ảnh cơ thể (Các giai đoạn phát triển chính của cơ thể, Các cách thay đổi tích cực ngoại hình cơ thể).

*Lĩnh vực: Tính dục và hành vi tình dục*

Các nội dung bao gồm: Tính dục và chu kì đời sống tình dục; Hành vi tình dục và đáp ứng tình dục.

*Lĩnh vực: Sức khoẻ tình dục và sinh sản*

Các nội dung bao gồm: Mang thai và biện pháp tránh thai (Mang thai, Biện pháp tránh thai); Nhận thức, nhận diện và giảm thiểu rủi ro mắc STI và HIV (Nhận thức, nhận diện một số STIs và HIV, Giảm thiểu rủi ro mắc STIs); Định kiến, chăm sóc, chữa trị và hỗ trợ người mắc HIV/AIDS (HIV/ AIDS - các đường lây truyền, Định kiến, điều trị và chăm sóc người mắc HIV/AIDS).

## 2.3. Phương pháp giáo dục giới tính tình dục toàn diện trong môn Khoa học tự nhiên

Trong quá trình dạy học, GV cần kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) truyền thống với các PPDH hiện đại. Một số PPDH và kĩ thuật dạy học (KTDH) tích cực đã được đưa vào chương trình bồi dưỡng GV thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới, như: Dạy học khám phá; Dạy học giải quyết vấn đề; Dạy học theo dự án; Thảo luận nhóm; Phương pháp đóng vai; Phương pháp sử dụng bài tập tình huống; Tiểu phẩm; Tổ chức các cuộc thi, ...

GDGT TDTD trong môn học/hoạt động GD có thể kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả như: Dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; Dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; Tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; Tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS; Phối hợp GD trong nhà trường với GD ở gia đình và xã hội.

## 2.4. Đánh giá giáo dục giới tính tình dục toàn diện trong môn Khoa học tự nhiên

GDGT TDTD được lồng ghép trong môn học. Vì vậy, định hướng việc đánh giá kết quả học tập của HS cần phải dựa trên yêu cầu cần đạt đối với lĩnh vực GDGT TDTD đã được xác định trong chương trình, đồng thời căn cứ vào đặc thù môn học và cách thức kiểm tra, đánh giá của môn học. Những nội dung đánh giá GDGT TDTD: Đánh giá nhận thức của HS về GDGT TDTD; Đánh giá các kĩ năng của HS về GDGT TDTD; Đánh giá thái độ của HS về GDGT TDTD.

Hình thức đánh giá GDGT TDTD:

- Đánh giá thông qua bài viết: Bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan, bài tập tình huống, bài tiểu luận, báo cáo thu hoạch,...
- Đánh giá thông qua câu hỏi vấn đáp, phỏng vấn, thuyết trình, hùng biện,...
- Đánh giá thông qua quan sát: Quan sát thái độ, hoạt động của HS qua bài thực hành thí nghiệm, thảo luận nhóm, học ngoài thực địa, tham quan các trường hợp điển hình, thực hiện dự án vận dụng kiến thức vào thực tiễn, ... bằng một số công cụ như sử dụng bảng quan sát, bảng kiểm, hồ sơ học tập,...

**2.5. Hướng dẫn thiết kế và Kế hoạch bài học minh họa**

Khi thiết kế Kế hoạch bài học, cần tuân thủ trình tự các bước sau:

- Nghiên cứu những nội dung chung trong tài liệu Hướng dẫn về GDGT TDTD trong Chương trình GD Trung học cơ sở 2018 để hiểu rõ các lĩnh vực về GDGT TDTD cần GD cho HS.
- Nghiên cứu ma trận lồng ghép và yêu cầu cần đạt về GDGT TDTD trong chương trình môn học.
- Xác định địa chỉ và phương thức lồng ghép khi tiến hành một bài học cụ thể.
- Xây dựng mục tiêu và nội dung cụ thể về GDGT TDTD trong bài học cần triển khai đến HS.
- Xác định phương pháp và hình thức tổ chức đối với nội dung GDGT TDTD trong bài học.
- Tìm kiếm thêm tư liệu, các thông tin và ngữ liệu phù hợp với nội dung GDGT TDTD để triển khai trong quá trình tổ chức tiết dạy.
- Thiết kế giáo án cho bài học có lồng ghép nội dung về GDGT TDTD.
- Thực hiện tiết dạy có lồng ghép nội dung về GDGT TDTD.
- Đánh giá kết quả học tập của HS về GDGT TDTD trong bài học.

**Kế hoạch bài học minh họa**

Chủ đề: **Bệnh lây truyền qua đường tình dục**

Thời lượng: 2 tiết

**Mục tiêu chủ đề**

- HS hiểu được khái niệm về bệnh lây truyền qua đường tình dục (STI) và tác nhân gây bệnh;
- HS phân biệt bệnh STI biểu hiện ở cơ quan sinh dục và bệnh STI không biểu hiện ở cơ quan sinh dục;
- HS biết tên và một số biểu hiện chung của bệnh STI;
- Biết được tác hại của bệnh STI;
- Xác định được có một số bệnh STI không chữa khỏi tận gốc mà chỉ chữa được triệu chứng;
- Liệt kê được các hành vi có nguy cơ lây nhiễm bệnh STI;
- Biết cách phòng tránh bệnh STI.

**Chuẩn bị của GV và HS**

Bảng tên một số bệnh STI; Bảng tóm tắt một số dấu hiệu thường gặp của bệnh STI; Bảng tác hại của các bệnh STI; Phiếu bài tập; Câu hỏi thảo luận.

**PPDH:** Động não; thảo luận nhóm; thuyết trình.

**Gợi ý các hoạt động dạy học**

**A. Khởi động**

HS đã được học về cấu tạo của cơ quan sinh dục và biết được rằng chức năng cơ bản của cơ quan sinh dục là giúp người ta có thể sinh con và đem lại khoái cảm tình dục. Vì vậy, cơ quan sinh dục cần được chăm sóc và bảo vệ.

Cũng như các cơ quan khác của cơ thể, các cơ quan sinh dục cũng có khả năng bị bệnh, nhưng bệnh ở cơ quan sinh dục lại thường được coi là vấn đề tế nhị, không

được bàn tới hoặc thảo luận một cách phổ biến. Những bệnh này có thể gây tác hại đến sức khỏe và tương lai của người mắc bệnh và vợ/chồng/bạn tình của họ.

Chủ đề này sẽ giúp chúng ta sẽ thảo luận cởi mở về các bệnh STI, tác hại khi mắc bệnh STI và cách phòng tránh các bệnh STI như thế nào.

**B. Khám phá**

**Hoạt động 1: Bệnh lây truyền qua đường tình dục là gì?**

- GV yêu cầu mỗi HS nói tên một số bệnh mà các em biết, ghi ý kiến của các em lên bảng (Ví dụ: Cúm, lao, chấy, rận, thấp khớp, đau dạ dày, tả, lị, lậu, giang mai, HIV,...).
- GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi sau:
  - + Trong số những bệnh các em vừa nêu, bệnh nào không lây và bệnh nào có thể lây truyền từ người này sang người khác? (Gợi ý: Các bệnh không lây như: Thấp khớp, đau dạ dày,... Các bệnh lây như: Cúm, lao, chấy, rận, tả, lị, lậu, giang mai, HIV,...).
  - + Trong số các bệnh lây ở trên, có những bệnh lây qua đường tình dục bởi nhiều tác nhân gây ra. GV sử dụng bảng dưới đây để giảng (xem Bảng 1):

**Bảng 1: Các tác nhân gây bệnh qua đường tình dục**

Tác nhân gây bệnh	Tên bệnh STI
1. Vi khuẩn	- Bệnh lậu - Chlamydia - Giang mai
2. Vi rút	- Bệnh mụn rộp sinh dục - Bệnh sùi mào gà - Viêm gan B - HIV/AIDS

- GV đặt vấn đề: Trong các cách quan hệ tình dục: Dương vật - Âm đạo; Dương vật - Miệng; Miệng - Âm đạo; Dương vật - Hậu môn; Dùng tay kích thích cơ quan sinh dục; Cách nào có nguy cơ lây bệnh tình dục?

- Kết luận: Bệnh lây truyền qua đường tình dục là bệnh được truyền từ người này sang người khác qua quan hệ tình dục (đặc biệt qua đường âm đạo, đường hậu môn và đôi khi qua đường miệng: dương vật - miệng, miệng - âm đạo).

**Hoạt động 2: Một số dấu hiệu thường gặp của các bệnh STI ở cơ quan sinh dục**

- GV giảng chung: Đa số các bệnh STI gây bệnh ở cơ quan sinh dục. Một số bệnh STI lại gây bệnh ở những cơ quan khác. Ví dụ: Bệnh HIV/AIDS và viêm gan B đều lây qua đường tình dục nhưng cả hai bệnh này lại không gây bệnh ở cơ quan sinh dục.

- GV chia lớp thành 6 nhóm, 3 nhóm trả lời 1 trong 2 câu hỏi thảo luận sau:

- + Khi mắc bệnh STI có biểu hiện ở cơ quan sinh dục, nam giới thường có dấu hiệu gì?
- + Khi mắc bệnh STI có biểu hiện ở cơ quan sinh dục,

nữ giới thường có dấu hiệu gì?

GV có thể phát cho mỗi nhóm một bảng tóm tắt các dấu hiệu của bệnh STI (xem Bảng 2):

- GV mời đại diện của các nhóm lên trình bày và các HS khác bổ sung.

- GV chốt kiến thức: Khi mắc một số bệnh STI có biểu hiện ở cơ quan sinh dục, người ta thường thấy một trong những triệu chứng sau:

a. Đối với nam: Có giọt mủ ở đầu dương vật; Đau buốt khi đi tiểu.

b. Đối với nữ: Dịch âm đạo bất thường hoặc có mùi hôi; Đau bụng dưới; Đau khi giao hợp; Chảy máu bất thường ngoài chu kỳ kinh nguyệt.

c. Cả nam và nữ: Vết loét, mụn nước gần bộ phận sinh dục; U ở bộ phận sinh dục; Sung hạch ở bẹn; Ngứa vùng sinh dục.

GV lưu ý với HS: Có một số bệnh không phải lúc nào cũng có những triệu chứng như đã nêu trên. Ví dụ: Người nhiễm vi rút sùi mào gà, thời gian đầu có thể chưa nổi sùi. Đối với bệnh lậu, bệnh chlamydia, có những người bị nhiễm mà không có biểu hiện một triệu chứng nào (kể cả nam và nữ) hoặc có các dấu hiệu rầm rộ một thời gian rồi đỡ hẳn mặc dù không điều trị, nhưng bệnh vẫn còn tiềm ẩn. Bệnh giang mai có dấu hiệu không rõ ràng, người bệnh có thể không nhận thấy.

- Kết luận: Có người mắc bệnh STI mà không có triệu chứng nhưng họ vẫn có thể là nguồn lây bệnh cho người khác và nếu họ không biết để chữa sẽ gây ra hậu quả về sau. Người có nhiều bạn tình mà không dùng bao cao su nên đi khám bệnh thường kì để phát hiện bệnh kịp thời.

**Hoạt động 3: Tác hại của bệnh STI**

- GV phát cho mỗi nhóm một bản thông tin về tác hại

**Bảng 2: Bảng tóm tắt các dấu hiệu của bệnh STI**

Dấu hiệu	Nữ giới	Nam giới
Vết loét	Các vết loét có đau hoặc không đau ở vùng sinh dục, hậu môn hay những nơi khác trên cơ thể. Các mụn rộp nước sau đó vỡ ra để lại vết loét có đau ở vùng sinh dục.	
Dịch tiết	Dịch tiết ra từ âm đạo; dịch có màu hơi vàng, hoặc hơi xanh nhạt, mùi khó chịu, có bọt. Có thể thấy cả dịch tiết từ lỗ hậu môn.	Dịch trắng hoặc có màu, hoặc mủ tiết ra từ đầu dương vật hoặc lỗ hậu môn.
Đi tiểu buốt	Có cảm giác đau buốt hoặc nóng rát khi đi tiểu hoặc sau khi đi tiểu sau đó xuất hiện dịch chảy ra ở đầu dương vật.	
Mụn cóc	Có các mụn cóc nổi ở vùng sinh dục.	
Đau vùng bụng dưới	Các cơn đau xuất hiện mà không có liên quan tới hành kinh, có thể là dấu hiệu của bệnh viêm cổ tử cung, ống dẫn trứng, buồng trứng.	
Sưng tấy	Sưng tấy tại bộ phận sinh dục.	Sưng tấy tại bộ phận sinh dục, sưng và đau ở bên trong bìu.

**Bảng 3: Bản thông tin về tác hại của các bệnh STI**

Tên bệnh	Hậu quả có thể nếu không chữa trị	
	Nữ	Nam
Trùng roi	Nếu khi mang thai nhiễm trùng roi, có thể đẻ non hoặc đẻ con nhẹ cân.	Một số ít trường hợp có thể gây vô sinh.
Lậu	Có thể gây vô sinh, chữa ngoài dạ con, đẻ non. Có thể lây nhiễm vào mắt con trong lúc sinh, gây mù nếu không chữa.	Có thể gây vô sinh.
Chlamydia	Hậu quả gây ra như bệnh lậu. Riêng với bé mới sinh bị nhiễm có thể gây viêm phổi rất nguy hiểm.	
Giang mai	Nhiều năm sau, có thể biến chứng vào tim, mắt, thần kinh,... Có thể dẫn đến chết. Có thể truyền cho bào thai, gây chết trong tử cung hoặc đứa con ra đời mắc bệnh giang mai bẩm sinh.	
Mụn rộp (do vi rút gây ra)	Khi đã nhiễm không thể loại bỏ. Chỉ chữa được triệu chứng, có thể bị lại.	
Sùi mào gà (do vi rút gây ra)	Khi đã nhiễm không thể loại bỏ. Chỉ chữa được triệu chứng, có thể bị lại.	
HPV gây ung thư (do vi rút gây ra)	Khi đã nhiễm không thể loại bỏ. Chỉ có thể theo dõi để ngăn chặn tác hại sau này là nguy cơ ung thư cổ tử cung.	Có nguy cơ gây ung thư dương vật, nhưng rất thấp.
Viêm gan B	Như đối với nam. Ngoài ra có thể lây sang con khi sinh.	Một số người bị viêm gan cấp tính. Một số người nhiều năm sau bị xơ gan hoặc ung thư gan.
HIV/AIDS	Khi đã nhiễm vi rút HIV làm suy giảm hệ thống miễn dịch của cơ thể. Hiện nay chưa có thuốc chữa.	

của các bệnh STI (xem Bảng 3).

- Các nhóm trình bày trước lớp.
- GV chốt kiến thức: Bệnh STI không những gây khó chịu, có khi đau đớn, mà còn gây nhiều hậu quả nghiêm trọng sau này nếu không được chữa trị, thậm chí tử vong.

### Hoạt động 4: Phòng tránh bệnh STI

- GV chia lớp thành 4 nhóm, GV phát cho mỗi nhóm một phiếu câu hỏi thảo luận, giấy khổ lớn và bút dạ.

Nhóm 1: Câu 1. Nêu các cách phòng tránh bệnh STI; Câu 2. Trong thời gian bị bệnh STI có nên quan hệ tình dục không? Tại sao?

Nhóm 2: Câu 3. Trong quan hệ tình dục, việc phòng tránh bệnh STI là trách nhiệm của ai? Vì sao?; Câu 4. Một vợ chồng (hay chỉ có một bạn tình) có phải là cách phòng tránh bệnh STI hữu hiệu không? Tại sao?

Nhóm 3: Câu 5. Trong các hành vi tình dục như ôm hôn, vuốt ve, giao hợp âm đạo, giao hợp hậu môn, giao hợp miệng, hành vi nào có khả năng lây truyền bệnh STI?; Câu 6. Trong trường hợp thực hiện những hành vi giao hợp kể trên, có cách nào phòng tránh được bệnh STI hữu hiệu không?

Nhóm 4: Câu 7. Có phải bao cao su giúp phòng tránh được tất cả các bệnh STI không?; Câu 8. Có bệnh STI nào có thể phòng tránh bằng tiêm chủng không?

- GV yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác bổ sung. Dưới đây là đáp án:

Câu 1. Các cách phòng tránh bệnh STI: Không quan hệ tình dục có giao hợp; Sống chung thủy một vợ một chồng (hoặc một bạn tình) với điều kiện cả hai không mắc bệnh STI từ trước; Sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục; Quan hệ tình dục không giao hợp hoặc thủ dâm.

Câu 2. Những người mắc bệnh STI nên kiêng không quan hệ tình dục cho đến khi chữa khỏi. Nếu có quan hệ tình dục thì nhất thiết phải dùng bao cao su.

Câu 3. Trong quan hệ tình dục, việc phòng tránh bệnh STI là trách nhiệm của cả hai người.

Câu 4. Một vợ một chồng (hoặc một bạn tình) chỉ là cách phòng tránh hữu hiệu khi cả hai người trong quá khứ, hiện tại và tương lai đều không có nguy cơ lây nhiễm.

Câu 5. Giao hợp dương vật - âm đạo, hậu môn, miệng đều có nguy cơ lây bệnh STI.

Câu 6. Cách phòng tránh tốt nhất là dùng bao cao su.

Câu 7. Bao cao su phòng tránh hầu hết được các bệnh STI. Tuy nhiên, có một số bệnh như: Bệnh mụn rộp, sùi mào gà vẫn có thể bị lây cho dù có dùng bao cao su do tiếp xúc phần cơ thể không được bao cao su che phủ.

Câu 8. Chỉ riêng bệnh viêm gan B có thể phòng tránh bằng cách tiêm chủng vắc xin.

- Kết luận: Sống chung thủy một vợ một chồng hay

một bạn tình và sử dụng bao cao su đúng cách là những biện pháp tốt nhất để phòng tránh các bệnh STI.

### C. Luyện tập - vận dụng

Hãy viết chữ Đ vào câu em cho là đúng và S vào câu em cho là sai.

----- Tất cả các bệnh STI chỉ gây ngứa ngáy khó chịu mà không gây hậu quả gì nghiêm trọng.

----- Một số bệnh STI có khả năng gây vô sinh cho cả nam và nữ nếu không chữa trị kịp thời.

----- Một số bệnh STI có thể làm cho người mẹ bị sảy thai.

----- Một loại vi rút lây qua đường tình dục gây ung thư cổ tử cung.

----- Một số bệnh STI có thể làm hỏng mắt, tổn thương não hoặc phá hủy gan nếu không chữa trị kịp thời.

----- Một số bệnh STI có thể truyền từ mẹ sang con.

----- Một số bệnh STI (có gây vết loét, chảy dịch) làm tăng nguy cơ bị lây nhiễm HIV.

----- Một số bệnh STI có thể gây chết người nếu không chữa trị kịp thời.

----- Tất cả các bệnh STI đều có thể chữa khỏi được.

----- Có thể phòng các bệnh STI bằng cách tiêm chủng.

(Đáp án: Câu 1. S; Câu 2-8: Đ; Câu 9: S; Câu 10: S (tuy nhiên có viêm gan B có thể phòng được bằng tiêm chủng))

### Đánh giá

1. Em hãy kể tên và dấu hiệu của một số bệnh STI.
2. Em hãy nêu tác hại của bệnh STI và cách phòng tránh.
3. Hãy đưa ra thông điệp để tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi người về bệnh STI.

### 3. Kết luận

Trong nhà trường, việc GDGT TDTD cho HS trung học là cần thiết và cấp bách. Chương trình môn Khoa học tự nhiên với đặc thù của môn học, có rất nhiều nội dung trong chương trình bản thân nó đã là GDGT TDTD. Vận dụng những PPDH, hình thức tổ chức dạy học phù hợp để thiết kế bài học lồng ghép GDGT TDTD tổ chức HS học tập một cách hiệu quả, phù hợp với chuẩn quốc tế.

Ngoài ra, để GDGT TDTD hiệu quả cần phải triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó căn bản nhất vẫn là nâng cao năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy các môn học, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý trong công tác chỉ đạo; kết hợp với sự quan tâm vào cuộc của các lực lượng ngoài nhà trường, không nên để nhà trường gánh vác hết trách nhiệm trong công tác GD nói chung và GDGT TDTD nói riêng.

**Tài liệu tham khảo**

- [1] A. Irvin, Quách Thu Trang, (2018), *Báo cáo đánh giá giáo dục sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục trong trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở Việt Nam*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), *Chỉ thị về Nhiệm vụ và giải pháp năm học 2019 - 2020 của ngành Giáo dục*, Số 2268/CT-BGDĐT, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học tự nhiên* Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [4] Quốc hội, (2014), *Nghị quyết về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, Số 88/2014/QH13, Hà Nội.
- [5] Quỹ dân số thế giới, (2003), *Giáo dục giới tính - tình dục và sức khỏe sinh sản*, Hà Nội.
- [6] UNESCO, (2018), *Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật quốc tế về giáo dục giới tính - Cách tiếp cận dựa trên bằng chứng*.

## COMPREHENSIVE SEX AND SEXUAL EDUCATION IN TEACHING NATURAL SCIENCE SUBJECT AT SECONDARY SCHOOL LEVEL

**Duong Quang Ngoc**

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam  
Email: duongquangngoc@gmail.com

**ABSTRACT:** *Natural Science subject at secondary school level studies about humans and the development of the human body, therefore, this subject provides many opportunities for sex and comprehensive sex education to pupils. In addition to the fact that the subject has had many advantages for comprehensive sex and sexual education, the application of teaching methods and teaching arrangements in lesson design is a key factor contributing to improving the effectiveness of comprehensive sexuality education for pupils.*

**KEYWORDS:** Sex education; comprehensive sexuality education; Natural Science.